

(Đề có 02 trang)

Học Văn cùng cô Trâm Anh

I. PHÀN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

VỢ CHỒNG NGƯỜI ĐÓT THAN TRÊN NÚI

(Trích)

(...)

- “Chàng chàng hỡi! tri âm từ thừa
Nổi sinh nhai diu búa, bếp lò
Nghĩ mình cũng đáng trọng phu
Tây nho chữ nghĩa không thua chi đời
Đời nào đã mấy ai tài trí
Cũng vinh hoa phú quý như không
Cũng xe bóng, cũng ngựa hồng
Cũng trăm, nghìn, vạn bạc đồng trong tay
Chàng chẳng nghĩ cho tây người khác
Lỗi công danh chen bước kịp thì
Làm cho phi⁽¹⁾ chí nam nhi
Trước là phu quý⁽²⁾, sau thì phụ vinh⁽³⁾
Chẳng hơn ở rừng xanh một giải?
Sớm sương non! tối lại giăng ngàn!
Bồng bong đôi mớ củi tàn
Con reo rất đói, vợ than thờ nghèo!”

- “Mình mình hỡi, nghĩ sao mà hẹp!

Kiếp ở đời là kiếp phù sinh⁽⁴⁾

Mây vàng chớp nhoáng bên mình

Sinh sinh hoá hoá cái hình phù du

(...)

Bụi hồng mặc khách đông tây

Quầy than dùng đình, tháng ngày tiêu dao

Nhà gianh có leo teo mà mát

Cơm muối dưa xông nhặt càng thanh

Đôi khi ngọn núi đầu ghềnh

Vui duyên giăng gió, mặn tình cò hoa

Khi than đất, rượu ba bảy hớp

Vợ, chồng, con hoà hợp một đoàn

Thú vui lắm thú thanh nhàn

Khúc ca tiếng hạc, cung đàn gió thông

Sướng đến thế, mà không biết sướng!

Còn than thân mong tương như ai”

(...)

(Tản Đà, *Vợ chồng người đốt than trên núi*,
trích tập thơ *Khởi tình con III*, 1932)

***Chú thích:** ⁽¹⁾ Thóa chí, cho đáng; ⁽²⁾ Chồng được phú quý; ⁽³⁾ Vợ được vinh dự, tự hào; ⁽⁴⁾ Cuộc đời trôi nổi, mong manh.

(Tác giả: Tản Đà (1889-1939): tên thật là Nguyễn Khắc Hiếu, quê Sơn Tây nay thuộc Ba Vì, Hà Nội. Ông là một nhà thơ, nhà văn và nhà viết kịch nổi tiếng của văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX. Ngoài sáng tác thơ, Tản Đà còn giỏi trong việc dịch thơ Đường thành thơ lục bát và được biết đến như một người dịch thơ Đường ra ngôn ngữ Việt)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (1,0 điểm). Xác định thể thơ của văn bản. Chỉ ra một số dấu hiệu nhận biết thể thơ qua bốn câu thơ đầu.

Câu 2 (1,0 điểm). Em hiểu thế nào về sự khác biệt trong mong muốn của hai nhân vật người vợ và người chồng được thể hiện trong văn bản trên?

Câu 3 (1,0 điểm). Phân tích một biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

*“Đời nào đã mấy ai tài trí
Cũng vinh hoa phú quý như không
Cũng xe bóng, cũng ngựa hồng
Cũng trăm, nghìn, vạn bạc đồng trong tay”*

Câu 4 (1,0 điểm). Bằng những hình dung về hai lối sống được thể hiện qua mong muốn của nhân vật người vợ và người chồng trong văn bản, em hãy lựa chọn lối sống phù hợp với bản thân và trình bày lý do lựa chọn trong khoảng 5-7 câu.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích những mong muốn, suy tư của hai nhân vật trong văn bản *Vợ chồng người đốt than trên núi* được trích trong phần đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm).

Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến: *“Xem nghịch cảnh như một người thầy trong cuộc sống”*.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Xác định thể thơ của văn bản. Chỉ ra một số dấu hiệu nhận biết thể thơ qua bốn câu thơ đầu.	1,0
		- Thể thơ: Song thất lục bát. - Một số dấu hiệu nhận biết: 1. Số tiếng trong mỗi dòng: + 2 dòng đầu: 7 tiếng. + dòng thứ 3: 6 tiếng, dòng thứ 4: 8 tiếng. 2. Thanh: + Câu thất 1: Tiếng thứ 5, 7: âm (B), thừa (T) + Câu thất 2: Tiếng thứ 3, 5, 7: nhai (B), búa (T), lò (B) + Câu lục: Tiếng thứ 2,4,6: mình (B), đáng (T), phu (B) + Câu bát: Tiếng thứ 2,4,6,8: nho (B), nghĩa (T), thua (B), đòi (B) 3. Vần: Chữ cuối câu thất 1 – chữ thứ 5 câu thất 2: thừa – búa, chữ cuối câu lục – chữ thứ 6 câu bát: phu - thua 4. Nhịp: ở câu 7 tiếng (3/4), ở cặp lục - bát: 2/4 và 4/4 (Học sinh trả lời từ 2 dấu hiệu nhận biết trở lên được 0,5đ, trả lời được 1 dấu hiệu được 0,25đ)	0,5 0,5
	2	Em hiểu thế nào về sự khác biệt trong mong muốn của hai nhân vật người vợ và người chồng được thể hiện trong văn bản trên?	1,0
		- Người vợ mong muốn chồng mình theo đuổi công danh để gia đình trở nên giàu có, sung túc hơn.	0,5
		- Người chồng mong muốn cuộc sống gia đình giản dị, sum vầy, quây quần hạnh phúc.	0,5
	3	Phân tích một biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau	1,0
		- Biện pháp tu từ liệt kê: <i>vinh hoa phú quý; ngựa hồng; trăm, nghìn, vạn bạc đồng</i>	0,5
		- Điệp từ “Cũng”/điệp cấu trúc “Cũng...cũng...cũng”	
		- So sánh	
		Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ điệp, liệt kê, so sánh (1 trong 3 đều chấp nhận)	
		- Hiệu quả nghệ thuật: + Gợi lên hình dung sinh động về cuộc sống sung túc, đủ đầy, những giá trị vật chất, danh vọng mà con người thường khao khát trong cuộc sống. + Thể hiện khát vọng, mong mỏi về cuộc sống của nhân vật người vợ. + Tạo hình ảnh, nhịp điệu dồn dập cho đoạn thơ. Phân tích các ý khác đúng, phù hợp vẫn cho điểm tối đa.	0,5
	4	Bằng những hình dung về hai lối sống được thể hiện qua mong muốn của nhân vật người vợ và người chồng trong văn bản, em	1,0

		hãy lựa chọn lối sống phù hợp với bản thân và trình bày lý do lựa chọn trong khoảng 5-7 câu.	
		- Hình thức: Đảm bảo dung lượng khoảng 5-7 câu. - Nội dung: Sau đây là một số gợi ý: + Ủng hộ lối sống nỗ lực xây dựng cuộc sống đủ đầy, sung túc hơn bởi: thể hiện tinh thần cầu tiến; thúc đẩy con người cố gắng, nỗ lực; giúp cho cuộc sống trở nên phát triển hơn... + Ủng hộ lối sống giản dị, coi trọng tình cảm bởi: giúp tâm hồn được thanh tịnh, nhẹ nhàng; biết cách để yêu thương, quan tâm những giá trị thiết thực; tránh rơi vào vòng xoáy áp lực, mệt mỏi... HS không nhất thiết phải lựa chọn duy nhất một lối sống. HS có thể diễn giải theo nhiều cách khác nhau để thể hiện quan điểm của mình, ý kiến cần phù hợp.	0,25 0,75
II	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích những mong muốn, suy tư của hai nhân vật trong văn bản “Vợ chồng người đốt than trên núi” được trích trong phần đọc hiểu.	2,0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn phân tích một đoạn thơ. Mở đoạn giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn thơ và nội dung chủ đề, đặc sắc nghệ thuật; thân đoạn phân tích làm rõ được nội dung chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của đoạn thơ; kết đoạn khái quát, tổng hợp lại.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu phân tích: phân tích nội dung chủ đề, đặc sắc nghệ thuật và hiệu quả thẩm mỹ của một số yếu tố nghệ thuật trong đoạn thơ.	0,25
		c. Phân tích làm rõ: - Phân tích nội dung: • Người vợ có những mong muốn vinh hoa phú quý cho chồng và gia đình. Khát vọng này cho thấy tình yêu thương đối với chồng cũng như khát vọng của người phụ nữ. Đây là mong ước thực tế, thường thấy của con người. • Người chồng có suy nghĩ thanh cao vượt ra khỏi những ham muốn công danh, vật chất thông thường. Ước muốn của người chồng hướng tới giá trị hạnh phúc giản dị, chân thật của cuộc sống như: sự tự do tự tại; sự yêu thương, gắn kết của gia đình. (Đưa ra các bằng chứng cụ thể trong đoạn trích) - Phân tích nghệ thuật: • Sử dụng thể thơ song thất lục bát truyền thống (Cách gieo vần, ngắt nhịp) • Lối đối đáp • Hình ảnh thơ có tính tượng trưng, đa nghĩa • Sử dụng biện pháp tu từ như điệp ngữ, liệt kê, các từ láy, từ Hán – Việt... → Hiệu quả: Góp phần thể hiện quan niệm, mong muốn của các nhân vật.	1,0
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25

Học Văn cùng cô Trâm Anh

	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về đoạn thơ, có cách diễn đạt sáng tạo, mới mẻ.	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến: “Xem nghịch cảnh như một người thầy trong cuộc sống”.	4,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	0,5
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Bàn luận được về giá trị của nghịch cảnh trong cuộc sống con người.	0,5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng, đảm bảo các yêu cầu sau: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Thân bài: Triển khai vấn đề nghị luận: - Giải thích vấn đề nghị luận: + Nghịch cảnh là gì? + Người thầy là gì? + Xác định được vấn đề: Nghịch cảnh là khó khăn, thử thách trong cuộc sống, nhưng chúng ta nên coi đó là bài học có giá trị để rèn luyện. - Bàn luận – Chứng minh (nêu lí lẽ kèm dẫn chứng) + Nghịch cảnh là điều kiện để con người rèn luyện bản lĩnh, ý chí. + Nghịch cảnh giúp con người vượt lên trên giới hạn của bản thân, khám phá được khả năng của bản thân một cách toàn diện. + Nghịch cảnh giúp con người trân trọng hơn những giá trị của cuộc sống. - Mở rộng, nhìn nhận vấn đề đa chiều: + Mỗi người có một giới hạn nhất định, không phải ai cũng có thể vượt qua mọi nghịch cảnh trong cuộc sống. + Nghịch cảnh chỉ có giá trị khi chúng ta biết đương đầu với nó tinh thần tích cực. - Rút ra liên hệ đối với bản thân: + Can đảm hơn khi phải đối diện với khó khăn. + Luôn giữ thái độ tích cực trong cuộc sống. ... * Kết bài: Khẳng định lại ý nghĩa của khó khăn, thử thách với mỗi người.	2,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25